

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến,
giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại
cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20/6/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 20/6/2014; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-HĐND-PC ngày 14/7/2014 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

a) Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức chi ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại

cơ sở; kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện; Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật các cấp; các Chương trình, Đề án, Kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở (sau đây gọi là công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật) trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Đối tượng áp dụng:

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Mức chi.

a) Một số khoản chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước (có phụ lục kèm theo).

b) Đối với các nội dung chi không có trong phụ lục kèm theo quy định tại điểm a khoản này thì thực hiện theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

3. Nguồn kinh phí thực hiện.

a) Kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc cấp nào do ngân sách Nhà nước cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật.

b) Trong trường hợp ngân sách của tỉnh không cân đối được thì ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện một số hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trọng tâm, trọng điểm, bao gồm các hoạt động: Chi tổ chức tập huấn văn bản pháp luật mới, bồi dưỡng kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Xây dựng các chuyên mục phổ biến, giáo dục pháp luật đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp; Chi cho Tủ sách pháp luật; thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho một số đối tượng đặc thù theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ trọng điểm của các Chương trình, Đề án phổ biến, giáo dục pháp luật. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm dự toán kinh phí gửi về Sở Tài chính để Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính theo quy định.

c) Kinh phí xây dựng, quản lý Tủ sách pháp luật thực hiện theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật.

Điều 2.

Nghị quyết này thay thế các quy định về mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại Nghị quyết số 05/2011/NQ-HĐND ngày 26/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Đối với các quy định về nội dung chi, mức chi phục vụ công tác hòa giải cơ sở tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 05/2011/NQ-HĐND cho đến khi có văn bản thay thế.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa VIII, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2014 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ;
- VPQH, VPCP; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm tin học - Công báo;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH *[Signature]*

Nguyễn Tấn Hưng



PHỤ LỤC

Một số khoản chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác
phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật
cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2014 của HĐND tỉnh)

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
a	Xây dựng đề cương			
	- Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	- Cấp tỉnh: 1.000 - Cấp huyện: 800 - Cấp xã: 600	
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	- Cấp tỉnh: 1.600 - Cấp huyện: 1.300 - Cấp xã: 1.000	
b	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
	- Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch	- Cấp tỉnh: 2.400 - Cấp huyện: 1.900 - Cấp xã: 1.500	
	- Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	- Cấp tỉnh: 500 - Cấp huyện: 400 - Cấp xã: 300	
c	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý			
	- Chủ trì	Người/buổi	200	
	- Thành viên dự	Người/buổi	100	
d	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	500	
đ	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	200	
	- Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	150	
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	
	- Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300	
	- Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200	

e	Lấy ý kiến thẩm định	Bài viết	- Cấp tỉnh: 500 - Cấp huyện: 400 - Cấp xã: 300	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch
g	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	- Cấp tỉnh: 500 - Cấp huyện: 400 - Cấp xã: 300	
2	Chỉ thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật			
a	Thù lao báo cáo viên cấp tỉnh	Người/buổi		Áp dụng chế độ thù lao giảng viên quy định tại tiêu mục 1.1 mục 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC
b	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	- Đối với BCV: + TH phức tạp: 300 + Không phức tạp: 200 - Đối với TTV: + TH phức tạp: 200 + TH không phức tạp: 150	
c	Thù lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật	Người/buổi		Tuỳ theo trình độ, áp dụng mức chi quy định tại điểm a, b của mục này
d	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù	Người/buổi	Được hưởng thêm 20% so với mức thù lao quy định tại điểm a,b,c mục này	
3	Biên soạn một số tài liệu phổ			

	biên, giáo dục pháp luật đặc thù			
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	- Cấp tỉnh: 800 - Cấp huyện: 600 - Cấp xã: 500	
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	- Cấp tỉnh: 300 - Cấp huyện: 200 - Cấp xã: 100	
c	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	- Cấp tỉnh: 1.200 - Cấp huyện: 1.000 - Cấp xã: 700	
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	- Cấp tỉnh: 4.000 - Cấp huyện: 3.000 - Cấp xã: 2.000	
4	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt			
	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày	30	Không quá 1 ngày
	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	10	
5	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường			
a	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Ngày	250% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	Chỉ áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công
b	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Ngày	Tối đa 150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	

				tác phổ biến, giáo dục pháp luật
6	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi			
a	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác			Áp dụng mức chi theo TTLT số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT
b	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:			
	Thuê dẫn chương trình	Người/ngày	- Cấp tỉnh: 1.600 - Cấp huyện: 1.200 - Cấp xã: 1.000	
	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu	Ngày	- Cấp tỉnh: 8.000 - Cấp huyện: 6.000 - Cấp xã: 5.000	
	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	300	
	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)			Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính
c	Chi giải thưởng			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		- Cấp tỉnh: 8.000 - Cấp huyện: 6.000 - Cấp xã: 5.000	
	+ Cá nhân		- Cấp tỉnh: 5.000 - Cấp huyện: 4.000 - Cấp xã: 3.000	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		- Cấp tỉnh: 6.000 - Cấp huyện: 4.000 - Cấp xã: 3.000	
	+ Cá nhân		- Cấp tỉnh: 2.400 - Cấp huyện: 1.900	

			- Cấp xã: 1.500	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		- Cấp tỉnh: 4.000 - Cấp huyện: 3.000 - Cấp xã: 2.500	
	+ Cá nhân		- Cấp tỉnh: 1.600 - Cấp huyện: 1.200 - Cấp xã: 1.000	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		- Cấp tỉnh: 2.400 - Cấp huyện: 1.900 - Cấp xã: 1.500	
	+ Cá nhân		- Cấp tỉnh: 800 - Cấp huyện: 600 - Cấp xã: 500	
	- Giải phụ khác		500	
7	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở			
a	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang	75	Tính theo trang chuẩn 350 từ
b	Bồi dưỡng phát thanh			
	Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần	15	
	Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần	20	
8	Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật			
	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật hàng năm	Tủ/năm	2.000	Theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ
	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần	100	
	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người	50	

9	Chỉ thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Chương trình, Đề án, Kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật			
a	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo	- Cấp tỉnh: 50 - Cấp huyện: 40 - Cấp xã: 30	
b	Rà soát văn bản, tài liệu phục vụ hệ thống hóa, kiến nghị xây dựng thể chế, thực hiện chương trình, đề án	Văn bản	- Cấp tỉnh: 50 - Cấp huyện: 40 - Cấp xã: 30	
c	Viết báo cáo			
	- Báo cáo tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ - Báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết của UBND: + Cấp tỉnh + Cấp huyện + Cấp xã	Báo cáo	4.000 2.400 1.900 1.500	
	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	- Cấp tỉnh: 2.400 - Cấp huyện: 1.900 - Cấp xã: 1.500	
	Báo cáo đột xuất	Báo cáo	- Cấp tỉnh: 800 - Cấp huyện: 600 - Cấp xã: 500	
10	Chỉ khen thưởng xã, phường, thị trấn; huyện, thị xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tiêu biểu về chuẩn tiếp cận pháp luật			
a	Khen thưởng xã, phường, thị trấn; huyện, thị xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Tương đương tập thể lao động xuất sắc	Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở	Áp dụng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành
b	Khen thưởng xã, phường, thị trấn được UBND tỉnh tặng Bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật cấp tỉnh	Bằng khen	Bằng 2 lần mức lương cơ sở	